

Số: **15** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Danh mục 40 dược liệu
có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông báo số 164/TB-VPCP ngày 16/06/2010 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị phát triển dược liệu và sản phẩm thuốc quốc gia ;

Căn cứ Kế hoạch số 886/KH-BYT ngày 29/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Thiện Nhân theo Thông báo 164/TB-VPCP ngày 16/06/2010 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Y Dược cổ truyền và Cục trưởng Cục Quản lý dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục 40 dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường.

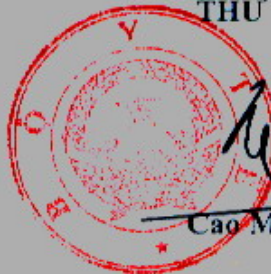
Điều 2. Danh mục 40 dược liệu là cơ sở để xây dựng hồ sơ dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân tại Thông báo 164/TB-VPCP ngày 16/06/2010 của Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Y Dược cổ truyền, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Thủ trưởng các đơn vị được phân công xây dựng hồ sơ dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường theo Kế hoạch số 886/KH-BYT ngày 29/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Vụ Y Dược cổ truyền; Cục Quản lý dược;
- Viện Dược liệu;
- Trường đại học dược Hà Nội;
- Tổng Công ty dược Việt Nam;
- UBND các tỉnh và TP trực thuộc TW có vùng dược liệu trọng điểm;
- Sở Y tế các tỉnh và TP trực thuộc TW;
- Trường Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, YDCT, QLD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Cao Minh Quang**

**Danh mục 40 dược liệu
có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BYT
ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. Mục đích xây dựng danh mục 40 dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường:

Xây dựng hồ sơ về 40 dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân tại Thông báo số 164/TB-VPCP ngày 16/6/2010 của Văn Phòng Chính phủ nhằm mục đích:

- Tư liệu hóa những nghiên cứu về dược liệu, làm cơ sở dữ liệu chung phục vụ cho 4 nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông) định hướng công tác phát triển dược liệu;

- Làm cơ sở để Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển dược liệu trong giai đoạn từ nay đến năm 2030;

- Làm cơ sở để xây dựng hồ sơ phát triển sản phẩm quốc gia.

II. Tiêu chí xây dựng danh mục dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường:

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và phát triển dược liệu từng thời điểm theo quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Y dược cổ truyền phối hợp với Cục Quản lý dược và các đơn vị có liên quan tổng hợp, đề xuất bổ sung, sửa đổi hay hiệu chỉnh Danh mục dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường cho phù hợp với tình hình thực tế, các dược liệu được xem xét đưa vào Danh mục phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- Dược liệu có nhu cầu sử dụng lớn trên thị trường và dùng trong chẩn trị YHCT;

- Dược liệu có thế mạnh của Việt Nam, có giá trị kinh tế lớn;

- Có khả năng nuôi trồng và phát triển sản xuất ở quy mô lớn;

- Có thị trường hướng tới xuất khẩu dược liệu thô và các sản phẩm từ dược liệu.

III. Danh mục 40 dược liệu có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường:

STT	Tên cây/dược liệu	Tên khoa học
1.	Sâm Ngọc linh	<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv, <i>Araliaceae</i>
2.	Trinh nữ hoàng cung	<i>Crinum latifolium</i> L., <i>Amaryllidaceae</i>
3.	Đại hồi	<i>Illicium verum</i> Hook.f., <i>Illiciaceae</i>
4.	Actisô	<i>Cynara scolymus</i> L., <i>Asteraceae</i>
5.	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> Presl.; <i>Cinnamomum</i> spp., <i>Lauraceae</i>
6.	Tràm	<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell, <i>Myrtaceae</i>
7.	Hoa hòe	<i>Styphnolobium japonicum</i> (L.) Schott, <i>Fabaceae</i>
8.	Kim tiền thảo	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osborne) Merr., <i>Fabaceae</i>
9.	Đương quy	<i>Angelica sinensis</i> (Oliv.) Diels, <i>Apiaceae</i>
10.	Hoài sơn	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill, <i>Dioscoreaceae</i>
11.	Sinh địa	<i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.) Libosch., <i>Scrophulariaceae</i>
12.	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson, <i>Polygonaceae</i>
13.	Cúc hoa vàng	<i>Chrysanthemum indicum</i> L., <i>Asteraceae</i>
14.	Ngưu tất	<i>Achyranthes bidentata</i> Blume, <i>Amaranthaceae</i>
15.	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How., <i>Rubiaceae</i>
16.	Diệp hạ châu	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.; <i>P. amarus</i> Schum. et Thonn., <i>Euphorbiaceae</i>
17.	Xuyên khung	<i>Ligusticum wallichii</i> Franch., <i>Apiaceae</i>
18.	Đảng sâm	<i>Codonopsis pilosula</i> (Franch.) Nannf.; <i>C. javanica</i> (Blume) Hook.f., <i>Campanulaceae</i>
19.	Bạch chi	<i>Angelica dahurica</i> (Fisch. ex Hoffm.) Benth. et Hook.f.; <i>A. dahurica</i> (Fisch. ex Hoffm.) Benth. et Hook. f. var. <i>formosana</i> (Boiss.) Shan et Yuan, <i>Apiaceae</i>
20.	Đỉnh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms, <i>Araliaceae</i>
21.	Ích mẫu	<i>Leonurus japonicus</i> Houtt., <i>Lamiaceae</i>
22.	Kim ngân	<i>Lonicera japonica</i> Thunb.; <i>L. dasystyla</i> Rehd.; <i>L. confusa</i> DC.; <i>L. cambodiana</i> Pierre, <i>Caprifoliaceae</i>
23.	Mạch môn	<i>Ophiopogon japonicus</i> (L.f.) Ker-Gawl, <i>Asparagaceae</i>
24.	Sen	<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn., <i>Nelumbonaceae</i>

STT	Tên cây/độc liệu	Tên khoa học
25.	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-Jobi</i> L., <i>Poaceae</i>
26.	Bạch truật	<i>Atractylodes macrocephala</i> Koidz., <i>Asteraceae</i>
27.	Linh chi	<i>Ganoderma lucidum</i> (Leyss ex Fr.) Karst., <i>Ganodermataceae</i>
28.	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour., <i>Stemonaceae</i>
29.	Bình vôi	<i>Stephania glabra</i> (Roxb.) Miers, <i>Menispermaceae</i>
30.	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulata</i> (Lour.) Schott, <i>Araceae</i>
31.	Cát cánh	<i>Platycodon grandiflorum</i> (Jacq.) A. DC., <i>Campanulaceae</i>
32.	Huyền sâm	<i>Scrophularia buergeriana</i> Miq.; <i>Scrophularia</i> <i>ningpoensis</i> Hemsl., <i>Scrophulariaceae</i>
33.	Thiên môn	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr., <i>Asparagaceae</i>
34.	Bạc hà	<i>Mentha arvensis</i> L., <i>Lamiaceae</i>
35.	Tục đoạn	<i>Dipsacus japonicus</i> Miq., <i>Dipsacaceae</i>
36.	Sa nhân	<i>Amomum villosum</i> Lour. <i>Amomum longiligulare</i> T.L.Wu <i>Zingiberaceae</i>
37.	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L., <i>Zingiberaceae</i>
38.	Hương phụ	<i>Cyperus rotundus</i> L.; <i>Cyperus stoloniferus</i> Retz., <i>Cyperaceae</i>
39.	Hoàng Liên	<i>Coptis teeta</i> Wall. <i>Coptis chinensis</i> Franch <i>Coptis quinquesecta</i> Wang, <i>Ranunculaceae</i>
40.	Đỗ trọng	<i>Eucommia ulmoides</i> Oliv. <i>Eucommiaceae</i>

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Minh Quang